TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1184**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh

2. Bà Trần Thị Kim Anh

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** bà Lê Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** ông Trần Quang Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 407/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 327/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần T T, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện P, tỉnh B (bà Trần T T có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Huỳnh N T, sinh năm 19xx; Thường trú: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B; Tạm trú: số ooyy đường L, phường T, quận B, Thành phố H (ông Huỳnh N T vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Trần T T cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Bà Trần T T và ông Huỳnh N T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/20xx tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh B và được cấp Giấy chứng nhận kết kết hôn số 37/KH, quyển số 01/20xx.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống bình thường, đến năm 20xx thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không tôn trọng bà T, thường xuyên ăn nhậu, có hành động, lời nói thô tục, xúc phạm bà Th nên hai bên thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ tháng 3/20xx cho đến nay.

Nay bà Trần T T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên làm đơn khởi kiện với yêu cầu như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Trần T T yêu cầu được ly hôn ông Huỳnh N T.

- *Về con chung:* bà Trần T T và ông Huỳnh N T có 01 (một) con chung tên Huỳnh Đ T, sinh ngày 17/6/20xx.

Bà Trần T T đồng ý để ông Huỳnh N T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Huỳnh Đ T, sinh ngày 17/6/20xx.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* bà Trần T T cấp dưỡng nuôi trẻ Huỳnh Đ T 1,000,000 (một triệu) đồng/tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* bà Trần T T tự khai không có.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần T T có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án.

Bị đơn là ông Huỳnh N T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, như: Thụ lý và giải quyết vụ kiện đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn quy định.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- *Về nội dung:* Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần T T và ông Huỳnh N T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống cùng nhau hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân chứng tỏ hôn nhân không hạnh phúc. Do vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc bà Trần T T yêu cầu được ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: bà Trần T T và ông Huỳnh N T có 01 (một) con chung tên Huỳnh Đ T, sinh ngày 17/6/20xx; nay bà Trần T T đồng ý giao cho ông Huỳnh N T trực tiếp nuôi dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Trần T T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1,000,000 (một triệu) đồng/tháng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Trần T T tự khai không có, ông Huỳnh N T không có ý kiến và yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét đơn xin ly hôn của bà Trần T T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn"; bị đơn - ông Huỳnh N T có nơi cư trú tại số ooyy đường L, phường T, quận B, Thành phố H. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Trần T T có đơn xin vắng mặt; ông Huỳnh N T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của bà Trần T T, thấy rằng: quan hệ hôn nhân giữa bà Trần T T, ông Huỳnh N T đã có mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do ông Huỳnh N T không tôn trọng bà T,

thường xuyên có hành động, lời nói thô tục, xúc phạm bà T nên hai bên thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay.

Ngoài ra, từ khi thụ lý đơn xin ly hôn của bà Trần T T cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để ông Huỳnh N T thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho hai bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng bị đơn vắng mặt, điều đó thể hiện bị đơn không có thiện chí hòa giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân. Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp thuận yêu cầu ly hôn của bà Trần T T.

[3.2] Về con chung: bà Trần T T và ông Huỳnh N T có 01 (một) con chung tên Huỳnh Đ T, sinh ngày 17/6/20xx.

Xét từ khi hai bên sống ly thân cho đến nay, trẻ Huỳnh Đ T được ông Huỳnh N T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Nay bà Trần T T đồng ý giao cho ông Huỳnh N T trực tiếp nuôi dưỡng; Trẻ Huỳnh Đ T cũng có nguyện vọng sống cùng ông Huỳnh N T nên Hội đồng xét xử giao trẻ Huỳnh Đ T cho ông Huỳnh N T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận việc bà Trần T T cấp dưỡng cho trẻ Huỳnh Đ T số tiền 1,000,000 (một triệu) đồng/tháng.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Trần T T tự khai không có, ông Huỳnh N T không có ý kiến và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: bà Trần T T chịu 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300,000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp quy định pháp luật nên thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Trần T T đối với ông Huỳnh N T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Trần T T được ly hôn ông Huỳnh N T (Giấy chứng nhận kết kết hôn số 37/KH, quyển số 01/20xx, ngày 11/11/20xx do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh B cấp cho bà Trần T T và ông Huỳnh N T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- *Về con chung:* giao trẻ Huỳnh Đ T, sinh ngày 17/6/20xx cho ông Huỳnh N T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* bà Trần T T cấp dưỡng cho trẻ Huỳnh Đ T (sinh ngày 17/6/2015) số tiền 1,000,000 (một triệu) đồng/tháng, việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 01 dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện từ ngày 01/9/2024 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Huỳnh N T, nếu bà Trần T T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bà Trần T T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* bà Trần T T tự khai không có, ông Huỳnh N T không có ý kiến và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí: bà Trần T T chịu 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012083, ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần T T phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Tân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên